

**ĐẢNG BỘ TP HẢI PHÒNG
HUYỆN ỦY VĨNH BẢO**

*

Số 1248-CV/HU

*V/v bổ sung hồ sơ cán bộ, đảng viên và thực
hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2023*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Vĩnh Bảo, ngày 18 tháng 12 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện,
- Ủy ban nhân dân huyện,
- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy,
- Ban Tổ chức Huyện ủy,
- Các chi bộ, đảng bộ cơ sở.

Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Hướng dẫn số 03-HD/UBKTTW, ngày 03/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 601-CV/UBKTTU, ngày 20/4/2022 của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy về việc thực hiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 18/01/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ công tác đảng viên. Thực hiện Công văn số 1141-CV/TU, ngày 13/12/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo việc kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2023 và Công văn số 188-CV/BTCTU, ngày 21/12/2020 của Ban Tổ chức Thành ủy về việc bổ sung hồ sơ cán bộ và thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hàng năm.

Để kịp thời cập nhật, bổ sung thường xuyên thông tin cá nhân vào hồ sơ, phục vụ công tác quản lý cán bộ, đảng viên theo quy định, Thường trực Huyện ủy đề nghị các chi, đảng bộ cơ sở, cơ quan, đơn vị liên quan các đồng chí Ủy viên ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Khai phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên năm 2023

- Khai phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên (*kể cả trường hợp không có thay đổi nội dung thông tin trong lý lịch đảng viên*) theo Mẫu 3-HSĐV của Ban Tổ chức Trung ương (*kèm theo công văn này*);

- Thời hạn nộp phiếu **trước 17 giờ ngày 10/01/2024.**

- Nơi tiếp nhận lưu giữ:

+ Đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, các Phó Chủ tịch UBND huyện) nộp **02** bản cho Ban Tổ chức Huyện ủy (đồng chí Nguyễn Hữu Cường, Phó Trưởng ban, ĐT 0904925979).

+ Đối với cán bộ diện Huyện ủy quản lý (Ủy viên Huyện ủy, Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện; Hiệu trưởng, Hiệu phó các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện) lập **02** bản: 01 bản nộp cho Ban Tổ chức Huyện ủy (đồng chí Phạm Thị Lành, chuyên viên, ĐT 0989272291); 01 bản nộp cho chi bộ, đảng bộ cơ sở để lưu giữ theo quy định.

+ Đối với đảng viên còn lại (trừ cán bộ diện Thành ủy, Huyện ủy quản lý nêu trên) kê khai phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên nộp 01 bản cho chi bộ, đảng bộ cơ sở để lưu giữ theo quy định.

2. Kê khai tài sản, thu nhập 2023

- Đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập: Theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 tính đến ngày 31/12/2023 được lập theo mẫu Phụ lục 01 kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ (gửi kèm theo Công văn này).

- Thời hạn nộp bản kê khai **trước 17 giờ ngày 10/01/2024.**

- Nơi nhận lưu giữ và số lượng:

+ Đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, các Phó Chủ tịch UBND huyện) lập **04** bản: nộp 03 bản cho Ban Tổ chức Huyện ủy (đồng chí Nguyễn Hữu Cường, Phó Trưởng ban, ĐT 0904925979); 01 bản nộp cho chi bộ, đảng bộ cơ sở để lưu giữ và thực hiện công khai theo quy định.

+ Đối với cán bộ diện Huyện ủy quản lý (Ủy viên Huyện ủy, Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện; Hiệu trưởng, Hiệu phó các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện) lập **03** bản: 02 bản nộp cho Ban Tổ chức Huyện ủy (đồng chí Phạm Thị Lành, chuyên viên, ĐT 0989272291); 01 bản nộp cho chi bộ, đảng bộ cơ sở để lưu giữ và công khai theo quy định.

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức huyện, xã, thị trấn là đảng viên khác thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập quy định tại Điều 10, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ (trừ cán bộ diện Thành ủy, Huyện ủy quản lý nêu trên) lập **03** bản: nộp 02 bản cho Ban Tổ chức (nếu là công chức, viên chức khối đảng, đoàn thể của huyện); nộp 02 bản cho Phòng Nội

vụ (nếu là công chức, viên chức khối chính quyền và cán bộ, công chức cấp xã); 01 bản nộp cho chi bộ, đảng bộ cơ sở để lưu giữ và thực hiện công khai theo quy định.

*** Ghi chú:** Tập thể, cá nhân đã nộp đủ số lượng cho Ban Tổ chức Huyện ủy bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 và phiếu bổ sung lý lịch đảng viên năm 2023 kèm theo hồ sơ kiểm điểm cá nhân (theo Khoản 1, mục V, Kế hoạch số 132-KH/HU, ngày 28/11/2023) thì không phải thực hiện nội dung công văn này trừ trường hợp nộp thiếu số lượng hoặc có thay đổi nội dung so với bản đã nộp.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Ủy ban nhân dân huyện

Ban hành Quyết định phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 thuộc thẩm quyền quản lý (trừ cán bộ diện Thành ủy và Huyện ủy quản lý); tiếp nhận, lưu trữ bản kê khai tài sản, thu nhập theo chế độ “Mật”; giao nộp 01 bản cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định.

3.2. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy

Tiếp nhận 01 bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai thuộc cán bộ, viên chức diện Huyện ủy quản lý do Ban Tổ chức Huyện ủy giao nộp; lưu giữ hồ sơ theo chế độ “Mật”; thực hiện trình tự, thủ tục kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định.

3.3. Ban Tổ chức Huyện ủy

- Tiếp nhận Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên và bản kê khai, thu nhập của cán bộ diện Thành ủy quản lý, giao nộp cho Ban Tổ chức Thành ủy và quản lý hồ sơ theo quy định.

- Tiếp nhận Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên của cán bộ diện Huyện ủy quản lý và quản lý hồ sơ theo quy định.

- Tiếp nhận Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên của đảng viên các chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ quan Đảng, đoàn thể và quản lý hồ sơ theo quy định.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Quyết định phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 thuộc thẩm quyền quản lý của Huyện ủy; thu nhận bản kê khai tài sản, thu nhập và quản lý theo quy định; giao nộp 01 bản kê khai tài sản, thu nhập cho Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy để kiểm soát theo quy định.

- Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan Huyện ủy ban hành Quyết định phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 thuộc biên chế của Cơ quan Huyện ủy (trừ cán bộ diện Thành ủy và Huyện ủy quản lý); tiếp nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập và lưu giữ theo quy định.

3.4. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở

- Chỉ đạo, hướng dẫn đảng viên trong chi bộ, đảng bộ thực hiện kê khai Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên; thu nhận và quản lý hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi đảng viên công tác tổ chức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo Điều 11, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thường trực Huyện ủy thông báo và đề nghị các tổ chức đảng cơ sở, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện, bảo đảm tiến độ yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Thường trực Huyện ủy,
- UBND huyện,
- BTC, UBKT Huyện ủy,
- Phòng Nội vụ huyện,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Bùi Gia Huân

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TỈNH (tương đương).....

HUYỆN (tương đương).....

ĐẢNG BỘ, CHI BỘ CƠ SỞ ...

ĐẢNG BỘ BỘ PHẬN:

CHI BỘ:

**PHIẾU BỔ SUNG
HỒ SƠ ĐẢNG VIÊN
(Năm)**

SỐ LL:

SỐ TĐV:

Chỉ ghi những mục có nội
dung thay đổi so với năm
trước nếu không thay đổi
thì ghi vào mục đó, chữ
“K”

Họ và tên đang dùng (viết chữ in hoa): Sinh ngày ... tháng ... năm ...

Mới thay đổi nơi ở:

Mới thay đổi về nghề nghiệp; đơn vị công tác:

Chức vụ mới được giao:

- Đảng:

- Chính quyền:

- Đoàn thể:

- Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp:

Mới thay đổi về trình độ học vấn; chuyên môn nghiệp vụ:

- Giáo dục phổ thông (lớp mấy): - Chuyên môn nghiệp vụ:

- Học vị (TS, thạc sĩ): - Học hàm (Giáo sư, phó giáo sư):

- Lý luận chính trị (Cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp):

- Ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp... Trình độ A,B,C,D):

Hình thức khen thưởng mới trong năm (từ bằng khen huy chương trở lên và danh hiệu
mới được phong: Anh hùng, chiến sĩ thi đua; nhà giáo, nghệ sĩ thầy thuốc nhân dân hoặc
ưu tú):Bị xử lý kỷ luật trong năm (Đảng, chính quyền, pháp luật):
.....

Gia đình có gì thay đổi trong năm:

- Cha đẻ: - Mẹ đẻ:

- Cha (vợ hoặc chồng): - Mẹ (vợ hoặc chồng):

- Vợ hoặc chồng (họ và tên, kết hôn, ly hôn, từ trần, chức vụ, công việc mới):

.....

- Con (*họ tên con, mới sinh, mới nhận con nuôi, làm gì, ở đâu... ?*):

.....

Có thay đổi về kinh tế của bản thân và gia đình trong năm:

- Tổng mức thu nhập của hộ gia đình: đồng, bình quân người/hộđồng

- Nhà ở:

- Đất ở:

- Hoạt động kinh tế:

.....

- Tài sản mới có giá trị (*50 triệu đồng trở lên*): Tên tài sản mới:
 giá trị đồng

- Được miễn công tác và SHĐ ngày:

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA CẤP
 ỦY CƠ SỞ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ
 và tên)

XÁC NHẬN CỦA CHI ỦY
 CHI BỘ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI KHAI
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC I

**MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN
ĐẦU, KÊ KHAI HÀNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ**
(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

(TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...⁽¹⁾
(Ngày..... tháng..... năm.....)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾:
.....ngày cấp..... nơi cấp

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
..... ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)**3.1. Con thứ nhất:**

- Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾****1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:**

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm			

tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
---	--	--	--

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ). Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này. Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Người kê khai phải lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai). Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

(3) Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Ghi diện tích đất (m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55	+ 01	1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 5.600 triệu	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu; - Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thửa đất B được 4.000 triệu

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

- (11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.
- (12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...
- (13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.
- (14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.
- (15) Ghi tổng diện tích (m^2) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.
- (16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.
- (17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.
- (18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.
- (19) Rừng sản xuất là rừng trồng.
- (20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.
- (21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.
- (22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.
- (23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...
- (24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.
- (25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.
- (26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.
- (27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).
- (28) Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các

khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

(29) Kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là “Không có biến động” ngay sau tên của Mục III.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở - Bán thửa đất B	- 100m ²	500 triệu	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m ²	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D	+ 01 Sổ tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			